

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HC-ST

Ngày 06 tháng 10 năm 2022

*V/v khiếu kiện quyết định hành chính và
khiếu kiện hành vi hành chính trong hoạt
động quản lý nhà nước thuộc trường hợp
cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Sơn Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh
2. Ông Thái Văn Sơn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/9/2022 và 06/10/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số 03/2019/TLST-HC ngày 20/8/2019 về “Khiếu kiện quyết định hành chính” và “Khiếu kiện hành vi hành chính trong hoạt động quản lý nhà nước thuộc trường hợp cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 496/2022/QĐXXST-HC ngày 07 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Số 315 Đường N, Ấp 1, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trần Lê An N, sinh năm 1993; địa chỉ: Khối 3, Phường H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền công chứng số 028976, quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/9/2019 tại Văn phòng Công chứng D, Thành phố Hồ Chí Minh – có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trần Đăng S, sinh năm 1979 là Luật sư Văn phòng luật sư P thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) xã P.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Bà Trần Cẩm T, Phó Chủ tịch UBND xã P, huyện C là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 399/UQ-UBND ngày 01/3/2021 của Chủ tịch UBND xã P, huyện C - có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 04/6/2018, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/6/2018, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/11/2018, Đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 29/11/2018, cùng những tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị B có đại diện theo ủy quyền là ông Trần Lê An N trình bày:

Bà B là chủ sử dụng phần đất diện tích 135,3 m² thuộc Thửa 549, Tờ bản đồ số 42, Bộ địa chính xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, đã được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 301755 ngày 01/02/2008. Nguồn gốc đất do bà nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn X vào tháng 7/2007. Cũng trong năm 2007, bà đã tiến hành xây dựng căn nhà kiên cố trên phần đất nhận chuyển nhượng, việc xây dựng không có giấy phép. Sau khi xây dựng hoàn tất nhà ở, bà B được biết căn nhà của bà có một phần trên diện tích ngoài giấy chứng nhận. Vì vậy, bà đã làm đơn xin tồn tại căn nhà và xin được giao đất đối với phần nhà xây ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước, đã có danh sách đề nghị xem xét, nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Năm 2012, UBND huyện C đã ban hành Quyết định số 11013/QĐ-XPHC ngày 13/12/2012 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà, nhưng sau đó thu hồi và huỷ bỏ bằng Quyết định số 3180/QĐ-HQĐXP của Chủ tịch UBND huyện C ngày 28/3/2013.

Ngày 07/7/2017, UBND xã P, huyện C đã lập biên bản số 19/BB-VPHC căn cứ vào điểm a khoản 7 Điều 13 Nghị định 121/2013/NĐ-CP có nội dung trong thời hạn 12 (mười hai) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoặc kể từ ngày nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà bà không thực hiện các yêu cầu tháo dỡ đối với phần căn nhà xây dựng ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bị cưỡng chế. Ngày 21/7/2017, Chủ tịch UBND xã P, huyện C đã ban hành Quyết định số 212/QĐ-UBND về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng và đã tiến hành cưỡng chế vào ngày 31/7/2017, nhưng không giao các Quyết định này cho bà. Ngày 06/8/2017, bà đã làm đơn khiếu nại lần đầu đến Chủ tịch UBND xã P đối với Quyết định 212/QĐ-UBND. Ngày 13/12/2017, Chủ tịch UBND xã P, huyện C đã ban hành Quyết định số 370/QĐ-UBND giải quyết bác khiếu nại của bà. Sau đó, bà có đơn khiếu nại lên Chủ tịch UBND huyện C, nhưng đã quá thời hạn giải quyết khiếu nại mà Chủ tịch UBND huyện C không ra quyết định giải quyết cho bà. Vì vậy, bà khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi yêu cầu các vấn đề sau:

1. Hủy Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 của Chủ tịch UBND xã P, huyện C.
2. Hủy Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 của Chủ tịch UBND xã P, huyện C.
3. Tuyên bố hành vi hành chính của Chủ tịch UBND xã P chỉ đạo tổ chức thực hiện cưỡng chế ngày 31/7/2017 theo Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 và Thông báo về việc cưỡng chế số 87/TB-UBND ngày 25/7/2017 là trái pháp luật.

4. Yêu cầu bồi thường thiệt hại do ban hành quyết định hành chính, thực hiện hành vi hành chính trái pháp luật với số tiền tổng cộng là 156.100.000 (một trăm năm mươi sáu triệu một trăm nghìn) đồng.

5. Buộc Chủ tịch UBND xã P khắc phục hậu quả, khôi phục hiện trạng ban đầu và trả lại các tài sản bị chiếm giữ do ban hành quyết định hành chính và thực hiện hành vi hành chính trái pháp luật. Cụ thể: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với phần công trình nhà ở tại số 315 Đường N, Ấp 1, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh bị cưỡng chế phá dỡ trái pháp luật; trả lại nguyên vẹn, đầy đủ toàn bộ tài sản bị thu giữ, làm mất do hành vi cưỡng chế trái pháp luật gây ra.

6. Buộc Chủ tịch UBND xã P phải công khai xin lỗi người khởi kiện do ban hành quyết định hành chính và chỉ đạo thực hiện hành vi hành chính trái pháp luật.

Ngày 29/11/2018, bà B đã rút một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại do Chủ tịch UBND xã P ban hành quyết định hành chính, thực hiện hành vi hành chính trái pháp luật với số tiền tổng cộng là 156.100.000 (một trăm năm mươi sáu triệu một trăm nghìn) đồng.

Tại phiên tòa, bà B thống nhất với người đại diện theo uỷ quyền của bà là ông N rút các yêu cầu 5 và 6, chỉ giữ lại yêu cầu Hủy Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 21/7/2017; hủy Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 của Chủ tịch UBND xã P; tuyên bố hành vi tổ chức cưỡng chế diễn ra ngày 31/7/2017 theo Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 và Thông báo về việc cưỡng chế số 87/TB-UBND ngày 25/7/2017 là trái pháp luật. Bồi lẽ:

Chủ tịch UBND xã P ban hành Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 căn cứ vào Nghị định 180/2007/NĐ-CP là không đúng bởi vì Nghị định 180/2007, Nghị định 121/2013 hướng dẫn thi hành Luật xây dựng năm 2003 tính đến thời điểm ban hành quyết định cưỡng chế đã hết hiệu lực. Ngoài ra, Biên bản vi phạm hành chính lập ngày 07/7/2017 của UBND xã P căn cứ vào điểm a khoản 7 Điều 13 Nghị định 121/2013 thì mức phạt tiền là 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng đến 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng thuộc thẩm quyền xử phạt của cấp huyện, không thuộc thẩm quyền cấp xã. Theo quy định tại Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính, Chủ tịch UBND cấp xã chỉ có quyền phạt tiền đến 10% mức tiền phạt tối đa trong lĩnh vực tương ứng với quy định tại Điều 24 của Nghị định 180/2007/NĐ-CP, nhưng không quá 5.000.000 đồng. Như vậy, Chủ tịch UBND xã P ban hành Quyết định 212/QĐ-UBND lại căn cứ vào Biên bản vi phạm hành chính nêu trên là sai thẩm quyền.

Trường hợp Chủ tịch UBND xã P căn cứ vào Nghị định 180/2007/NĐ-CP để xử lý thì tại khoản 1 Điều 17 Nghị định này quy định về thẩm quyền xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị của Chủ tịch UBND cấp xã được quyền đình chỉ thi công xây dựng; quyết định cưỡng chế phá dỡ đối với công trình xây dựng vi phạm thuộc địa bàn do mình quản lý trừ những công trình quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định này, chính là các công trình do UBND cấp huyện hoặc Sở xây dựng cấp giấy phép xây dựng mà công trình đó đã bị đình chỉ thi công xây dựng và bị UBND cấp xã quyết định đình chỉ thi công xây dựng. Theo trình bày của người đại diện hợp pháp của người bị kiện thì công trình của bà B từ trước đến thời điểm bị cưỡng chế không có một quyết định nào đình chỉ thi công như quy định tại khoản 1 Điều 24 của Nghị định 180/2007/NĐ-CP mà đã thực hiện cưỡng chế phá dỡ. Đồng thời, công trình nhà ở riêng lẻ của bà B thuộc trường hợp phải được cấp phép xây dựng, mà thẩm quyền cấp phép thuộc UBND cấp huyện. Như vậy, việc xử lý và cưỡng chế nhà ở riêng lẻ của bà B thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện

theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định 180/2007/NĐ-CP, không thuộc thẩm quyền xử lý của UBND cấp xã.

Người bị kiện cho rằng do công trình của bà B đã hết thời hiệu, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính, Chủ tịch UBND xã không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nhưng vẫn có thể ra quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của luật này. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật người không có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thì không có thẩm quyền áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Từ phân tích nêu trên, Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 của Chủ tịch UBND xã P là trái pháp luật cần phải hủy bỏ. Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 công nhận Quyết định số 212/QĐ-UBND nên cũng cần phải hủy bỏ.

Đối với hành vi hành chính của Chủ tịch UBND xã P chỉ đạo tổ chức thực hiện cưỡng chế ngày 31/7/2017 là trái pháp luật bởi vì:

- Không gửi hoặc giao quyết định về việc tổ chức cưỡng chế cho bà B theo quy định tại Điều 5 Nghị định 166/2013/NĐ-CP, ngoài việc niêm yết là trái quy định.

- Cưỡng chế khi chưa ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả mà ban hành quyết định cưỡng chế và thực hiện cưỡng chế.

- Việc thực hiện cưỡng chế không đảm bảo thời hạn thi hành quyết định cưỡng chế theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định 166/2013/NĐ-CP. Theo quy định thì thời hạn thi hành cưỡng chế là 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận quyết định, nhưng Chủ tịch UBND xã P từ khi ban hành quyết định cưỡng chế đến thực hiện cưỡng chế chỉ 10 (mười) ngày.

- Đoàn cưỡng chế lập Biên bản kê biên các tài sản của bà B trong quá trình cưỡng chế là không chính xác vì kê biên là một biện pháp cưỡng chế hành chính theo Nghị định 166/2013/NĐ-CP, trong khi chưa có một quyết định hành chính kê biên nào. Đồng thời, việc lập biên bản thu giữ tài sản có dấu hiệu giả mạo, hợp thức hóa cho việc cưỡng chế, thu giữ tài sản vì bà B đã nhiều lần yêu cầu Chủ tịch UBND xã P cung cấp biên bản thu giữ tài sản để bà B nhận lại tài sản, nhưng người bị kiện không cung cấp được. Đến khi bà B khởi kiện thì người bị kiện mới cung cấp cho Tòa án và những biên bản này không phản ánh đúng những tài sản bị thu giữ vì cùng ngày cưỡng chế (ngày 31/7/2017), tại Trụ sở UBND xã P, bà B được trả lại một số tài sản, nhưng những tài sản này không được lập biên bản thu giữ.

Từ những lập luận trên, người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện người bị kiện là bà Trần Cẩm T, Phó Chủ tịch UBND xã P trình bày:

Ngày 01/02/2008, bà Nguyễn Thị B được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sổ vào sổ H00125/09 đối với diện tích 135,3m², trong đó có 30,1m² đất ở, 105,2m² đất trồng cây lâu năm. Sau đó, bà B tiến hành xây dựng mới nhà ở, tường rào mà không có giấy phép xây dựng và đã lấn chiếm đất nghĩa địa.

Đến tháng 5/2017, tại buổi tiếp xúc cử tri của Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tổ chức tại UBND xã P, cử tri đã phản ánh trường hợp bà Nguyễn Thị B lấn chiếm đất nghĩa địa. Sau đó, UBND huyện C đã ban hành Thông báo số 339/TB-VP ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Văn phòng HĐND và UBND huyện về việc giải quyết công trình xây dựng lấn

chiếm đất nghĩa địa tại Ấp 1, xã P, huyện C. Ngày 26/6/2017, UBND xã P mời bà Nguyễn Thị B đến địa điểm Số 315 Đường Nguyễn Thị L, Ấp 1, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để tiến hành đo đạc xác định diện tích phần đất ngoài ranh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thuộc phạm vi đất nghĩa địa) mà bà B đang sử dụng. Căn cứ Bản vẽ sơ đồ nhà đất do Công ty TNHH Thiết kế - Đo đạc - Xây dựng H lập ngày 26/6/2017 đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C kiểm tra, thì diện tích đất ngoài ranh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà B hiện đang sử dụng là 209m²; trong đó phần nhà hiện hữu, tường rào kiên cố bằng gạch và hàng rào tạm. Phần đất nghĩa địa bị lấn chiếm thuộc Thửa đất số 3, Tờ bản đồ số 42 (tài liệu kỹ thuật số), Bộ địa chính xã P. Qua kiểm tra việc kê khai, đăng ký sử dụng đất các thời kỳ đăng ký biến động đất đai, thể hiện nguồn gốc thửa đất số 549 (được cấp Giấy chứng nhận cho bà B) và Thửa đất số 3, Tờ bản đồ số 42 như sau:

+ Theo Tài liệu Chỉ thị 299/TTg: Phần đất trên thuộc Thửa đất số 1500, Tờ bản đồ số 4, Bộ địa chính xã P là đất chuyên dùng khác (CDK) được giao cho Nhà nước quản lý.

+ Theo Tài liệu Chỉ thị 02/CT-UB: Phần đất trên thuộc Thửa đất số 150, Tờ bản đồ số 7, Bộ địa chính xã P là đất nghĩa địa do Nhà nước quản lý.

+ Theo Tài liệu kỹ thuật số năm 2003: Phần đất thuộc Thửa số 3, Tờ bản đồ số 42, Bộ địa chính xã P là đất nghĩa địa do UBND xã P quản lý.

Căn cứ theo điểm c khoản 1 Điều 65 và khoản 2 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012; khoản 2 Điều 4 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở. Qua xem xét mốc thời gian bà B tiến hành xây dựng công trình nhà ở và tường rào trên phần đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đất nghĩa địa), tính đến tháng 7/2017 là đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính. Như vậy, đối với hành vi vi phạm của bà B, cơ quan có thẩm quyền không ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng vẫn được ban hành quyết định để khắc phục hậu quả trong đó có biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng trái phép.

Căn cứ theo Thông tư số 02/2014/TT-BXD ngày 12/02/2014 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013, trong đó quy định rõ tại khoản 2 Điều 2 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc phá dỡ công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng vi phạm đối với trường hợp hành vi vi phạm hành chính đã hết thời hiệu xử phạt hành chính thì người có thẩm quyền lập biên bản theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này và chuyển ngay đến Chủ tịch UBND cấp xã nơi có công trình vi phạm. Trong thời hạn 12 ngày (đối với công trình phải lập phương án phá dỡ) kể từ ngày lập Biên bản mà chủ đầu tư không hoàn thành việc phá dỡ công trình vi phạm thì Chủ tịch UBND cấp xã ban hành Quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này.

Trước khi thực hiện cưỡng chế phần công trình vi phạm lấn chiếm đất nghĩa địa theo Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 21/7/2017, UBND xã P đã ban hành Thông báo số 817/TB-UBND ngày 25/7/2017 về việc tổ chức thực hiện cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng của bà B tại Số 315 Đường Nguyễn Thị L, Ấp 1, xã P, huyện C, Chi. Trong đó, thông báo về thời gian tiến hành cưỡng chế và yêu cầu bà Bích di dời tài sản, vật dụng liên quan đến phần công trình vi phạm lấn chiếm đất nghĩa địa để đoàn cưỡng chế thực hiện việc phá dỡ phần công trình vi phạm này. Thông báo được UBND xã P niêm yết

công khai tại phần công trình sẽ thực hiện cưỡng chế (Số 315 Đường Nguyễn Thị L, Ấp 1, xã P, huyện Củ Chi), Văn phòng Ban nhân dân Ấp 1, xã P và Trụ sở UBND xã P.

Như vậy, việc UBND xã ban hành Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 là đúng theo Thông tư số 02/2014/TT-BXD ngày 12/02/2014 của Bộ Xây dựng. Quan điểm của người bị kiện là đề nghị Hội đồng xét xử công nhận Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 của Ủy ban nhân dân xã P là đúng quy định pháp luật.

Đối với việc bà B yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 370/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 của Ủy ban nhân dân xã P. Căn cứ Luật khiếu nại ngày 11/11/2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Quyết định số 07/2014/QĐ-UBND ngày 11/02/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy trình giải quyết khiếu nại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Chủ tịch UBND xã P đã thực hiện quy trình giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với đơn khiếu nại của bà B gồm các bước: Ban hành Thông báo thụ lý, Quyết định về việc xác minh nội dung khiếu nại, thẩm tra, xác minh nội dung đơn khiếu nại, báo cáo kết quả xác minh đơn khiếu nại, tổ chức đối thoại với người khiếu nại và ban hành Quyết định giải quyết đơn khiếu nại. Nội dung Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 của Chủ tịch UBND xã P công nhận Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 là đúng theo Thông tư số 02/2014/TT-BXD ngày 12/02/2014 của Bộ Xây dựng; Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 của Chủ tịch UBND xã P.

Đối với việc bà B yêu cầu tuyên bố hành vi tổ chức cưỡng chế diễn ra ngày 31/7/2017 theo Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 21/7/2017, Thông báo cưỡng chế số 817/TB-UBND của UBND xã P là trái pháp luật. Căn cứ vào nội dung Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 của Chủ tịch UBND xã P công nhận Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 là đúng theo Thông tư số 02/2014/TT-BXD ngày 12/02/2014 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013. Quan điểm của người khởi kiện là đề nghị Hội đồng xét xử công nhận hành vi tổ chức cưỡng chế diễn ra ngày 31/7/2017 là đúng quy định pháp luật.

Đối với việc bà B rút các yêu cầu khởi kiện, người bị kiện đồng ý và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định.

Từ những phân tích trên, người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà B.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm lần đầu bằng Bản án số 15/2018/HC-ST ngày 30/11/2018, được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm bằng Bản án số 390/2019/HC-PT ngày 08/5/2019 tuyên hủy Bản án sơ thẩm số 15/2018/HC-ST ngày 30/11/2018 để giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng hành chính, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Tuy nhiên, Tòa án cần rút kinh nghiệm về

việc vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 130 của Luật Tố tụng hành chính.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đối với việc người khởi kiện đã rút các yêu cầu: Buộc Chủ tịch UBND xã P bồi thường thiệt hại với số tiền tổng cộng là 156.100.000 đồng; khắc phục hậu quả, khôi phục hiện trạng ban đầu và trả lại các tài sản bị chiếm giữ; công khai xin lỗi người khởi kiện do ban hành quyết định hành chính và chỉ đạo thực hiện hành vi hành chính trái pháp luật là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu này.

Đối với các yêu cầu còn lại: Căn cứ vào nội dung vụ án, những tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy hành vi xây dựng nhà ở lấn chiếm đất nghĩa địa của bà B là vi phạm pháp luật hành chính, cần phải được xử lý. Tuy nhiên, việc xử lý vi phạm hành chính cần đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục do luật định.

+ Về thẩm quyền: Căn cứ vào Biên bản số 19/BB-VPHC ngày 07/7/2017 của UBND xã P đối với hành vi “*Xây dựng công trình trên đất không được phép xây dựng*” theo điểm a khoản 7 Điều 13 Nghị định 121/2013/NĐ-CP thì mức phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng thì không thuộc thẩm quyền xử lý của Chủ tịch UBND cấp xã theo khoản 2 Điều 67 Nghị định 121/2013/NĐ-CP; điểm b khoản 1 Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

+ Về trình tự, thủ tục: Theo trình bày của người bị kiện do công trình xây dựng của bà B đã hết thời hiệu xử phạt nên Chủ tịch UBND xã P áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Trong quá trình thu thập chứng cứ, cũng như tại phiên tòa, đại diện của người bị kiện thừa nhận Chủ tịch UBND xã P chưa có Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả chỉ có Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng. Như vậy, về nguyên tắc, trình tự, thủ tục xử lý cưỡng chế của Chủ tịch UBND xã P là chưa đúng quy định tại Điều 57 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định 166/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ. Bên cạnh đó, thẩm quyền áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong vụ việc này thuộc về Chủ tịch UBND cấp huyện, do hành vi vi phạm thuộc thẩm quyền xử lý của cấp huyện theo điểm b khoản 2 Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Như vậy, Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 của Chủ tịch UBND xã P ba hành không đúng thẩm quyền, không đúng trình tự, thủ tục nên cần hủy bỏ.

Đối với Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 của Chủ tịch UBND xã P có nội dung công nhận Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 nên cũng cần hủy bỏ.

Đối với hành vi hành chính chỉ đạo thực hiện cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng ngày 31/7/2017 của Chủ tịch UBND xã P căn cứ vào Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 và Thông báo cưỡng chế số 817/TB-UBND của UBND xã P là không đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 496/2022/QĐXXST-HC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi thì Hội thẩm nhân dân tham gia Hội đồng xét xử là Võ Văn Dương, ông Huỳnh Văn Bé; Hội thẩm nhân dân dự khuyết là ông Lê Bình An, bà Phạm Thị Ngọc, ông Nguyễn Văn Vân, bà Trần Thị Hạnh. Tuy nhiên, các Hội thẩm nhân dân này bận công tác nên được thay thế bằng ông Nguyễn Ngọc Cảnh và ông Thái Văn Sơn. Tại phiên tòa, các đương sự đồng ý để các Hội thẩm nhân dân Nguyễn Ngọc Cảnh và Thái Văn Sơn tham gia xét xử vụ án.

[2] Ngày 29/11/2018, bà B đã rút một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại do Chủ tịch UBND xã P ban hành quyết định hành chính, thực hiện hành vi hành chính trái pháp luật với số tiền tổng cộng là 156.100.000 đồng. Tại phiên tòa, bà B rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc Chủ tịch UBND xã P, huyện C phải khắc phục hậu quả, khôi phục hiện trạng ban đầu và trả lại các tài sản bị chiếm giữ do ban hành quyết định hành chính và thực hiện hành vi hành chính trái pháp luật; buộc Chủ tịch UBND xã P phải công khai xin lỗi người khởi kiện do ban hành quyết định hành chính và chỉ đạo thực hiện hành vi hành chính trái pháp luật. Xét việc rút yêu cầu này là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 8, khoản 3 Điều 55, Điều 173 Luật Tổ tụng hành chính nên Hội đồng xét xử chấp nhận và quyết định đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của bà B.

[3] Các yêu cầu khởi kiện còn lại của bà Nguyễn Thị B gồm: Yêu cầu Tòa án hủy Quyết định hành chính số 212/QĐ-UBND ngày 21/7/2017; hủy Quyết định hành chính số 370/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 của Chủ tịch UBND xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; tuyên bố hành vi tổ chức cưỡng chế diễn ra ngày 31/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân xã P theo Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 và Thông báo về việc cưỡng chế số 87/TB-UBND của UBND xã P là trái pháp luật. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là “Khiếu kiện quyết định hành chính” và “Hành vi hành chính” trong trường hợp cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm của Chủ tịch UBND xã P, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 30, khoản 1 Điều 31 của Luật Tổ tụng hành chính.

[4] Ngày 25/7/2017, UBND xã P niêm yết Quyết định số 212/QĐ-UBND; ngày 22/12/2017, UBND xã P niêm yết Quyết định số 370/QĐ-UBND; ngày 31/7/2017 bà B đã biết được hành vi cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng. Như vậy, tính đến thời điểm bà B nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[5] Bà B đã rút một phần yêu cầu khởi kiện gồm: Yêu cầu bồi thường thiệt hại; khắc phục hậu quả, khôi phục hiện trạng ban đầu và trả lại các tài sản bị chiếm giữ do ban hành quyết định hành chính và thực hiện hành vi hành chính trái pháp luật; buộc Chủ tịch UBND xã P phải công khai xin lỗi người khởi kiện do ban hành quyết định hành chính và chỉ đạo thực hiện hành vi hành chính trái pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đưa UBND xã P, huyện Củ Chi vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định khoản 9, 10 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính.

[6] Ông Trần Đăng S là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện vắng mặt; bà B đề nghị sẽ tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và đề nghị chấm dứt tư cách người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đối

với ông S là phù hợp với quy định tại khoản 13 Điều 55, Điều 61 của Luật Tổ tụng hành chính nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Người khởi kiện, người bị kiện đều xác nhận: Bà B là chủ sử dụng phần đất diện tích 135,3m² thuộc Thửa 549, Tờ bản đồ số 42, xã P, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, đã được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 301755 ngày 01/02/2008. Bà B xây dựng công trình nhà ở vào khoảng năm 2007 - 2008, không có giấy phép xây dựng, trong đó có một phần công trình thuộc một phần Thửa 3, Tờ bản đồ số 42, xã P, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh do nhà nước quản lý, không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà B. Ngày 07/7/2017, UBND xã P đã lập Biên bản số 19/BB-VPHC đối với hành vi vi phạm của bà B, cụ thể là “*Xây dựng công trình trên đất không được phép xây dựng*” tại điểm a khoản 7 Điều 13 Nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ. Ngày 21/7/2017, Chủ tịch UBND xã P ban hành Quyết định số 212/QĐ-UBND. Ngày 31/7/2017, Chủ tịch UBND xã P đã chỉ đạo thực hiện cưỡng chế công trình vi phạm xây dựng tại Số 315 Đường Nguyễn Thị L, Ấp 1, xã P, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 06/8/2017, bà B có đơn khiếu nại Quyết định số 212/QĐ-UBND. Ngày 13/12/2017, Chủ tịch UBND xã P ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 370/QĐ-UBND. Hội đồng xét xử xác định đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại khoản 2 Điều 79 Luật Tổ tụng hành chính.

[8] Bên cạnh các chứng cứ nêu trên, hồ sơ vụ án còn có các tài liệu chứng cứ khác do các đương sự cung cấp, cũng như Tòa án thu thập được như: Bản vẽ sơ đồ nhà đất số hợp đồng 144/HĐ.HHP/2017 do Công ty TNHH Thiết kế Đo đạc Xây dựng Hùng Hưng Phát phát hành ngày 26/6/2017, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Củ Chi duyệt số 7991/VPĐKĐĐTTP ngày 07/7/2017; Bản đồ hiện trạng, vị trí – áp ranh do Trung tâm Đo đạc bản đồ, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh phát hành ngày 05/11/2020; Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 301755 ngày 01/02/2008; Công văn số 1435/TAHCC ngày 03/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi về việc cung cấp thông tin, tài liệu; Công văn số 12416/UBND-TCKH ngày 29/12/2020 của UBND huyện C trả lời Công văn số 1435/TAHCC của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi... Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà B xây dựng công trình nhà ở, không có giấy phép từ năm 2007 – 2008, trong đó có một phần công trình xây dựng nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đã cấp cho bà. UBND xã P lập Biên bản vi phạm hành chính số 19/BB-VPHC ngày 07/7/2017 là đúng quy định. Mặc dù, bà B cho rằng phần diện tích đất mà bà xây dựng nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà, chứ không phải đất nghĩa địa. Bà đã được đưa vào danh sách những trường hợp được xem xét cấp giấy chứng nhận theo quy định tại Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước, nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt chấp thuận.

[9] Xét yêu cầu của bà B về việc hủy Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 của Chủ tịch UBND xã P, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà B xây dựng công trình là nhà ở và các công trình phụ trên phần đất diện tích 135,3m² có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn Xi chuyển nhượng cho bà vào năm 2007. Trong đó có 209m² ngoài giấy chứng nhận thuộc một phần đường, một phần Thửa đất số 03, Tờ bản đồ số 42, Bộ địa chính xã P, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo hồ sơ địa chính (Sổ dã ngoại bản đồ KTS) Thửa đất số 03, Tờ bản đồ số 42 có tổng diện tích 5.071,7m², loại đất NTD do UBND xã P quản lý. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định

bà B có hành vi xây dựng công trình trên đất không được phép xây dựng, hành vi vi phạm, hình thức xử phạt được quy định tại khoản 7 Điều 13 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ, quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng. Hành vi này của bà B đã vi phạm pháp luật hành chính và cần được xử lý. Tuy nhiên, việc xử lý cần đảm bảo đúng thẩm quyền, đúng nguyên tắc, trình tự, thủ tục luật định.

[10] Hội đồng xét xử xét thấy thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính của bà B theo Biên bản số 19/BB-VPHC ngày 07/7/2017 có mức phạt từ 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng đến 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, thuộc về Chủ tịch UBND huyện C quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính; Điều 68 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ. Chủ tịch UBND xã P ban hành Quyết định 212/QĐ-UBND là không đúng thẩm quyền. Lập luận về thẩm quyền xử lý của người khởi kiện trong trường hợp này là có cơ sở chấp nhận. Lập luận của người bị kiện là không có cơ sở.

[11] Hội đồng xét xử xét thấy về trình tự, thủ tục, tại điểm b khoản 2 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định nguyên tắc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: *“Biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng độc lập trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 65 của Luật này”*. Như vậy, trường hợp vi phạm của bà B, đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, thì người có thẩm quyền ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo nguyên tắc tại điểm b khoản 2 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên, như nhận định tại Mục [10], Chủ tịch UBND xã P không có thẩm quyền ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm của bà B. Lẽ ra, sau khi lập biên bản vi phạm hành chính số 19/BB-VPHC ngày 07/7/2017 thì UBND xã P phải chuyển hồ sơ lên Chủ tịch UBND huyện C để xử lý theo thẩm quyền tại điểm b khoản 2 Điều 2 Thông tư số 02/2014/TT-BXD ngày 12/02/2014 của Bộ xây dựng: *“Đối với công trình xây dựng thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Sở Xây dựng, người có thẩm quyền lập biên bản theo Mẫu biên bản số 02 ban hành kèm theo Thông tư này. Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày lập biên bản, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình vi phạm phải chuyển hồ sơ lên Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng vi phạm, chuyển cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện”*. Tuy nhiên, Chủ tịch UBND xã P lại ban hành Quyết định số 212/UBND ngày 21/7/2017 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng vi phạm là không đúng thẩm quyền, không đúng nguyên tắc, trình tự, thủ tục.

[12] Mặc khác, người có thẩm quyền xử lý chưa ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính mà Chủ tịch UBND xã P đã ban hành quyết định cưỡng chế là sai về trình tự, thủ tục quy định tại khoản 1 Điều 52, Điều 85, Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

[13] Như vậy, Quyết định cưỡng chế số 212/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 của Chủ tịch UBND xã P ban hành là không đúng thẩm quyền, nguyên tắc, trình tự, thủ tục luật định cần bị hủy bỏ.

[14] Xét yêu cầu của bà B về việc hủy quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 của Chủ tịch UBND xã P về việc giải quyết khiếu nại đối với quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 của Chủ tịch UBND xã P. Hội đồng xét xử xét thấy: Về hình thức, thẩm quyền, thủ tục ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 370/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 của Chủ tịch UBND xã P là phù hợp với quy định của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Điều 17 Mục 1, Mục 2, Chương 3 của Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại năm 2011. Tuy nhiên, Quyết định số 370/QĐ-UBND ban hành quá thời hạn giải quyết khiếu nại theo Luật Khiếu nại; niêm yết không đúng quy định, không đóng dấu; không dành quyền khởi kiện ra Tòa án cho bà B là thiếu sót. Về nội dung: Quyết định 370/UBND ngày 30/12/2017 công nhận quyết định số 212/QĐ-UBND về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng. Trong khi, Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 được Hội đồng xét xử nhận định tại Mục [13] là ban hành không đúng thẩm quyền, nguyên tắc, trình tự, thủ tục. Đây là cơ sở pháp lý để xác định Quyết định số 370/QĐ-UBND có liên quan đến Quyết định 212/QĐ-UBND cũng cần bị hủy bỏ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của người khởi kiện. Đối với lập luận của người bị kiện công nhận Quyết định 370/QĐ-UBND là không có cơ sở chấp nhận.

[15] Xét yêu cầu của bà B về việc tuyên bố hành vi hành chính của Chủ tịch UBND xã P chỉ đạo tổ chức thực hiện cưỡng chế ngày 31/7/2017 theo Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 và Thông báo về việc cưỡng chế số 87/TB-UBND của UBND xã P là trái pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy như nhận định tại Mục [13] nêu trên, Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 của Chủ tịch UBND xã P là không đúng thẩm quyền, nguyên tắc, trình tự, thủ tục luật định nên không có hiệu lực thi hành. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến hành vi hành chính chỉ đạo tổ chức thực hiện cưỡng chế theo Quyết định số 212/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND xã P là trái pháp luật.

[16] Ngoài ra, ngày 21/7/2017 Chủ tịch UBND xã P ban hành quyết định số 212/QĐ-UBND. Ngày 25/7/2017, ban hành thông báo số 817/TB-UBND. Cùng ngày 25/7/2017, Quyết định 212 và Thông báo số 817 đã được niêm yết tại trụ sở UBND xã P và tại địa chỉ công trình xây dựng vi phạm. Đến ngày 31/7/2017, Đoàn cưỡng chế đã thực hiện cưỡng chế là vi phạm về thời hạn cưỡng chế theo quy định khoản 3 Điều 5 Nghị định 166/2013/NĐ-CP.

[17] Từ nhận định tại Mục [13], [15], [16], Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, tuyên bố hành vi hành chính của Chủ tịch UBND xã P chỉ đạo tổ chức thực hiện cưỡng chế ngày 31/7/2017 theo Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 và Thông báo về việc cưỡng chế số 87/TB-UBND của UBND xã P là trái pháp luật.

[18] Bà B cho rằng Đoàn cưỡng chế lập Biên bản kê biên các tài sản của bà B trong quá trình cưỡng chế là không chính xác vì kê biên là một biện pháp cưỡng chế hành chính theo Nghị định 166/2013/NĐ-CP, trong khi chưa có một quyết định hành chính kê biên nào là có cơ sở. Tuy nhiên, người khởi kiện đã rút yêu cầu buộc người bị kiện phải khắc phục hậu quả, khôi phục hiện trạng ban đầu và trả lại các tài sản thu giữ trong quá trình cưỡng chế, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của người khởi kiện nên không xem xét trong vụ án này.

[19] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi có căn cứ đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[20] Án phí sơ thẩm người bị kiện phải chịu do toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện được chấp nhận theo quy định tại Điều 29 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[21] *Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9, khoản 10 Điều 3, Điều 8, Điều 29, Điều 30, khoản 1 Điều 31, khoản 3, khoản 13 Điều 55, Điều 61, khoản 2 Điều 79, Điều 116, khoản 2 Điều 173, Điều 193, Điều 194, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 28, khoản 2 Điều 38, khoản 1 Điều 52, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 65, Điều 85, Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Điều 17 Mục 1, Mục 2, Chương 3 của Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ điểm a khoản 7 Điều 13, khoản 2 Điều 68 Nghị định 121/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở;

Căn cứ khoản 3 Điều 5 Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 2 Thông tư số 02/2014/TT-BXD ngày 12/02/2014 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở;

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

1.1. Hủy Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 của Chủ tịch UBND xã P, huyện C.

1.2. Hủy Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 của Chủ tịch UBND xã P, huyện C.

1.3. Tuyên bố hành vi hành chính của Chủ tịch UBND xã P chỉ đạo tổ chức cưỡng chế diễn ra ngày 31/7/2017 theo Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 và Thông báo về việc cưỡng chế số 87/TB-UBND ngày 25/7/2017 là trái pháp luật.

2. Đình chỉ xét xử các yêu cầu khởi kiện sau đây của bà Nguyễn Thị B:

2.1. Yêu cầu Chủ tịch UBND xã P bồi thường thiệt hại do ban hành quyết định hành chính và thực hiện hành vi hành chính trái pháp luật với số tiền là 156.100.000 (một trăm năm mươi sáu triệu một trăm nghìn) đồng.

2.2. Yêu cầu buộc Chủ tịch UBND xã P khắc phục hậu quả, khôi phục hiện trạng ban đầu và trả lại các tài sản bị chiếm giữ do ban hành quyết định hành chính và thực hiện hành vi hành chính trái pháp luật.

2.3. Yêu cầu buộc Chủ tịch UBND xã P phải công khai xin lỗi người khởi kiện do ban hành quyết định hành chính và chỉ đạo thực hiện hành vi hành chính trái pháp luật.

3. Án phí hành chính sơ thẩm:

Chủ tịch UBND xã P phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn).

Trả lại cho bà B 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0032901 ngày 11/7/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Trả lại cho bà B số tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại là 3.252.500 (ba triệu hai trăm năm mươi hai nghìn năm trăm) đồng theo Biên lai thu tiền số 0032902 ngày 11/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự (07);
- VKSND huyện Củ Chi (02);
- Chi cục THADS huyện Củ Chi (01);
- TAND TP. Hồ Chí Minh (02);
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Sơn Hà